



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnxd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY CERTIFICATE OF CONFORMITY



Số/No: 395-7/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: MIRAGE GRANITO CERAMICO S.p.A.

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: Via Giardini Nord, 225 - 41026 Pavullo (MO) - Italy

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 20 tháng 05 năm 2026 đến ngày 19 tháng 05 năm 2029/ from May 20th 2026 to May 19th 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026
Hanoi, May 20th 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

On behalf of Director of Institute
Vice Director



★ **Đinh Quốc Dân**

**PHỤ LỤC
INDEX**

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-7/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026
(Attached to Certificate No. 395-7/2025VKH, dated 20/05/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/Brand (1)	Mã HS <i>HS code</i> (1)
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	2780x1200x6	MIRAGE	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x1200x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x200x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x6		69072193
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	800x800x9		69072193
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	600x600x9		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-7/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026
(Attached to Certificate No. 395-7/2025VKH, dated 20/05/2026))

Attached to Certificate No. 393-7/2023/KH, dated 20/05/2020)

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận Certified products	Quy cách/ Dimension (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾															
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	2780x1200x6	Nhóm 1: BDI0 Nhóm 4: <table> <tr> <td>CAA9</td> <td>BZY1</td> <td>CAT0</td> </tr> <tr> <td>BZX3</td> <td>CAS9</td> <td>CJN0</td> </tr> </table>	CAA9	BZY1	CAT0	BZX3	CAS9	CJN0									
CAA9	BZY1	CAT0																
BZX3	CAS9	CJN0																
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	1200x1200x9	Nhóm 4: TP78															
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	1200x200x9	Nhóm 2: <table> <tr> <td>UR32</td> <td>UR34</td> <td>CAU8</td> </tr> </table> Nhóm 3: <table> <tr> <td>BEF3</td> <td>BEF1</td> </tr> <tr> <td>BEF6</td> <td>BEF7</td> </tr> </table>	UR32	UR34	CAU8	BEF3	BEF1	BEF6	BEF7								
UR32	UR34	CAU8																
BEF3	BEF1																	
BEF6	BEF7																	
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	1200x600x9	Nhóm 2: <table> <tr> <td>BEU9</td> <td>BEV1</td> <td>BEV3</td> </tr> </table> Nhóm 3: <table> <tr> <td>BDH3</td> <td>CAZ5</td> <td>CJB1</td> </tr> <tr> <td>CBM8</td> <td>CAZ6</td> <td></td> </tr> </table> Nhóm 4: <table> <tr> <td>CDB3</td> <td>CAN1</td> <td>CAR3</td> </tr> <tr> <td>CJJ4</td> <td colspan="2">CAN4</td> </tr> </table>	BEU9	BEV1	BEV3	BDH3	CAZ5	CJB1	CBM8	CAZ6		CDB3	CAN1	CAR3	CJJ4	CAN4	
BEU9	BEV1	BEV3																
BDH3	CAZ5	CJB1																
CBM8	CAZ6																	
CDB3	CAN1	CAR3																
CJJ4	CAN4																	
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	1200x600x6	Nhóm 3: <table> <tr> <td>CAZ5</td> <td>BDH3</td> </tr> <tr> <td>CAZ6</td> <td>CBM8</td> </tr> </table>	CAZ5	BDH3	CAZ6	CBM8											
CAZ5	BDH3																	
CAZ6	CBM8																	
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	800x800x9	Nhóm 3: <table> <tr> <td>AYH4</td> <td>AYI0</td> <td>ALY0</td> </tr> <tr> <td>AYH7</td> <td>ALX8</td> <td>ALY2</td> </tr> </table>	AYH4	AYI0	ALY0	AYH7	ALX8	ALY2									
AYH4	AYI0	ALY0																
AYH7	ALX8	ALY2																
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa	600x600x9	Nhóm 2: <table> <tr> <td>BGC5</td> <td>BGC7</td> <td>BGC9</td> </tr> </table>	BGC5	BGC7	BGC9												
BGC5	BGC7	BGC9																

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ As declared by client.